

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2016
hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Thủ tướng chính phủ V/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01/12/2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-BGDĐT, ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-ĐHĐN ngày 29/01/2008 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định về việc thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT; được bổ sung theo công văn số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18/04/2013 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-ĐHSP ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc ban hành “Quy định đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-ĐHSP ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học, hệ chính quy năm 2020;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy học kỳ 1 năm học 2019 – 2020 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 28/02/2020;

Theo đề nghị của Ông Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng cử nhân cho **289** (hai trăm tám mươi chín) sinh viên, cụ thể:

- Ngành Sư phạm Toán học
- Ngành Sư phạm Tin học
- Ngành Sư phạm Vật lý

có 38 (ba mươi tám) sinh viên,
có 4 (bốn) sinh viên,
có 15 (mười lăm) sinh viên,

- Ngành Sư phạm Hóa học
- Ngành Sư phạm Sinh học
- Ngành Giáo dục Chính trị
- Ngành Sư phạm Âm nhạc
- Ngành Sư phạm Ngữ văn
- Ngành Sư phạm Lịch sử
- Ngành Sư phạm Địa lý
- Ngành Giáo dục Tiểu học
- Ngành Giáo dục Mầm non
- Ngành Hóa học (Hóa dược TCTA)
- Ngành Tâm lý học

có 27 (hai mươi bảy) sinh viên,
 có 13 (mười ba) sinh viên,
 có 26 (hai mươi sáu) sinh viên,
 có 13 (mười ba) sinh viên,
 có 16 (mười sáu) sinh viên,
 có 12 (mười hai) sinh viên,
 có 6 (sáu) sinh viên,
 có 44 (bốn mươi bốn) sinh viên,
 có 52 (năm mươi hai) sinh viên,
 có 7 (bảy) sinh viên,
 có 16 (mười sáu) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng các phòng Đào tạo, Công tác sinh viên, Khoa học - HTQT, Tổ chức – Hành chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các Khoa và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- ĐHĐN (để báo cáo);
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 2571/QĐ-ĐHN ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Huỳnh Vũ Ngọc Ánh	01/05/1997	3,33	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 1
2	Nguyễn Thị Ngọc Bửu	14/07/1998	3,57	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 2
3	Hồ Minh Châu	25/11/1998	3,36	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 4
4	Mai Bảo Chi	20/04/1998	3,28	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 5
5	Phạm Hồng Dũng	27/01/1998	2,93	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 6
6	Lê Gia Đạt	14/01/1996	2,77	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 8
7	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	01/06/1998	3,52	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 9
8	Y-Thiện Hmők	01/06/1998	2,57	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 18
9	Lê Thị Thu Hòa	28/04/1998	3,20	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 15
10	Lê Vô Thanh Hoa	16/09/1998	3,25	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 14
11	Nguyễn Nhật Hoàng	02/12/1998	3,18	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 17
12	Bùi Thị Hồng	03/03/1996	2,84	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 18
13	Nguyễn Thị Hợp	22/09/1998	3,40	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 19
14	Lê Quang Khải	02/11/1997	2,83	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 6
15	Lê Vô Trung Kiên	27/04/1998	3,44	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 21
16	Nguyễn Thị Phương Lan	07/09/1998	3,52	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 23
17	Trần Thị Cẩm Lệ	30/10/1997	3,21	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 24
18	Trương Phú Linh	02/10/1997	2,67	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 26
19	Vô Duy Linh	01/05/1998	2,76	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 9
20	Lưu Thị Khánh Ly	26/12/1998	3,16	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 28
21	Nguyễn Thị Thanh Ngân	09/05/1998	3,35	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 29
22	Nguyễn Thị Ý Như	27/03/1997	3,26	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 32
23	Đỗ Lê Kiều Oanh	02/10/1998	2,75	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 33
24	Lưu Thị Sương	30/05/1998	3,44	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 35
25	Hà Thị Kim Thanh	14/10/1998	2,74	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 40
26	Trịnh Thị Thảo	04/04/1998	2,93	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 41
27	Nguyễn Thị Thu Thảo	16/06/1997	2,80	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 17

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
28	Nguyễn Văn Tiến	19/10/1998	3,01	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 37
29	Đặng Thảo Trang	26/03/1998	3,32	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 45
30	Nguyễn Thị Huyền Trang	28/03/1998	3,05	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 47
31	Đinh Thị Thùy Trang	13/05/1998	2,96	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 46
32	Huỳnh Thị Oanh Triều	07/09/1998	3,60	Xuất sắc	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 48
33	Lê Trần Phương Trinh	04/01/1997	3,41	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 49
34	Nguyễn Anh Tuấn	09/03/1997	2,79	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 38
35	Nguyễn Thị Kiều Vân	04/08/1998	2,85	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 20
36	Huỳnh Thị Ngọc Vân	29/04/1997	3,27	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 51
37	Nguyễn Thị Hiền Vi	09/07/1996	3,38	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 52
38	Bùi Thị Thúy Vy	10/02/1998	2,85	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 21

Ấn định danh sách này có 38 (ba mươi tám) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 1 /38
Xếp loại Giỏi 18 /38
Xếp loại Khá 19 /38
Xếp loại Trung bình 0 /38



HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 2571/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Võ Thị Mỹ Diệu	17/10/1998	2,91	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 1
2	Trương Thị Mỹ Hiền	22/01/1997	3,07	Khá	5416/QĐ-ĐHĐN ngày 06/09/2016 15
3	Lê Thị Lài	14/02/1998	2,89	Khá	5416/QĐ-ĐHĐN ngày 06/09/2016 27
4	Đoàn Ngọc Quỳnh Trâm	03/07/1997	2,79	Khá	5416/QĐ-ĐHĐN ngày 06/09/2016 49

Ấn định danh sách này có 4 (bốn) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /4

Xếp loại Giỏi 0 /4

Xếp loại Khá 4 /4

Xếp loại Trung bình 0 /4

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 2571/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Bích	22/09/1997	3,52	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 4
2	Nguyễn Thị Hòa	27/04/1998	3,33	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 17
3	Nguyễn Thị Hương	27/01/1998	2,88	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 18
4	Lê Thị Hương Loan	04/06/1998	3,38	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 24
5	Huỳnh Thị Kim Ngọc	01/09/1998	2,92	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 30
6	Nguyễn Duy Nguyên	22/10/1998	3,47	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 31
7	Bùi Thị Nhớ	14/08/1998	2,87	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 33
8	Nguyễn Thị Hồng Nhung	30/04/1998	3,37	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 34
9	Lê Thị Thu	23/09/1996	3,10	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 11
10	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	26/11/1998	2,94	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 9
11	Phan Thị Thu Trang	22/11/1998	2,93	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 50
12	Phạm Thị Hồng Trinh	05/10/1998	3,00	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 12
13	Lê Thị Tú	01/06/1998	2,76	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 40
14	Nguyễn Thị Tố Uyên	20/01/1997	2,93	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 54
15	Nguyễn Văn Vinh	10/10/1996	2,81	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 55

Ấn định danh sách này có 15 (mười lăm) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /15

Xếp loại Giỏi 5 /15

Xếp loại Khá 10 /15

Xếp loại Trung bình 0 /15



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 251/QĐ-ĐHNĐ ngày 20. tháng 02. năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Thúy Diễm	06/09/1997	3,08	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 3
2	Nguyễn Đỗ Đình	02/12/1997	2,79	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 8
3	Đinh Thị Ngọc Hà	01/04/1998	3,24	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 10
4	Nguyễn Đình Thanh Hải	06/05/1997	3,57	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 12
5	Trương Minh Hiếu	10/11/1998	3,45	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 15
6	Lâm Quang Huy	17/06/1991	3,13	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 16
7	Trần Thanh Khải	01/07/1998	2,84	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 18
8	Tạ Thị Thu Lành	06/05/1997	2,63	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 19
9	Phạm Thị Phương Loan	16/10/1998	2,55	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 23
10	Đặng Thị Khánh Ly	13/05/1998	3,35	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 24
11	Nguyễn Mót	14/03/1998	3,61	Xuất sắc	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 26
12	Lương Tấn Nam	10/12/1997	3,44	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 27
13	Lê Thị Thanh Ngân	15/08/1998	3,23	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 29
14	Lê Quỳnh Ngân	22/08/1998	3,07	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 28
15	Nguyễn Thị Nhân	25/10/1997	3,33	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 31
16	Nguyễn Lê Thảo Nhi	17/10/1998	3,30	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 33
17	Nguyễn Phạm Thanh Phương	15/12/1998	3,58	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 36
18	Trần Mai Quyên	21/07/1998	3,23	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 39
19	Nguyễn Thị Thái Quyên	11/04/1998	3,01	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 38
20	Nguyễn Phạm Như Tài	07/02/1998	2,88	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 41
21	Phạm Thị Tài	03/05/1998	2,71	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 42
22	Huỳnh Thị Thùy Trang	24/04/1998	2,63	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 47
23	Trần Thị Thùy Trang	06/05/1997	3,11	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐ ngày 06/09/2016 48

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
24	Hồ Thị Ngọc Trinh	04/03/1998	3,14	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 50
25	Nguyễn Thị Việt Trinh	16/08/1998	2,92	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 51
26	Đỗ Thị Ánh Tuyết	31/01/1997	2,57	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 43
27	Võ Vang	02/01/1995	3,35	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 53

Ấn định danh sách này có 27 (hai mươi bảy) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 1 /27

Xếp loại Giỏi 11 /27

Xếp loại Khá 15 /27

Xếp loại Trung bình 0 /27

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM SINH HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 2571/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Bríu Be	14/03/1998	2,96	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 2
2	Hoàng Thị Mỹ Chính	29/05/1997	3,48	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 4
3	Phan Thị Thanh Diễm	24/05/1997	3,33	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 5
4	Nguyễn Thị Thanh Hoa	24/06/1998	3,21	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 13
5	Nguyễn Thị Ánh Huyền	11/10/1998	3,30	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 16
6	Đào Thị Huyền	12/07/1998	3,07	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 15
7	Nguyễn Thị Tài Linh	03/12/1998	3,01	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 21
8	Hồ Thị Thu Phương	14/05/1998	3,45	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 33
9	Trần Thị Thu Sen	06/01/1998	3,27	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 35
10	Trần Thị Duy Tính	01/07/1998	3,21	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 42
11	Nguyễn Thị Kim Tình	14/02/1998	3,36	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 41
12	Ngô Thị Thùy Trang	19/10/1998	3,22	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 52
13	Nguyễn Thị Thúy Viên	20/11/1998	3,02	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 55

Ấn định danh sách này có 13 (mười ba) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /13

Xếp loại Giỏi 9 /13

Xếp loại Khá 4 /13

Xếp loại Trung bình 0 /13

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 2571/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Y Bình	20/07/1997	3,30	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 2
2	Hôih Thị Cưới	20/04/1998	2,96	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 4
3	Võ Thị Ngọc Diễm	25/07/1998	3,12	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 7
4	Huỳnh Thảo Hiền	31/05/1998	3,01	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 11
5	Nguyễn Minh Hòa	26/01/1998	2,83	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 13
6	Phùng Văn Hoàng	19/10/1995	2,85	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 2
7	Hồ Thị Hồng	12/03/1998	3,06	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 14
8	Nguyễn Minh Huyền	23/02/1998	3,07	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 17
9	Phan Thị Kiểm	23/06/1998	3,23	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 19
10	Trương Thị Mỹ Ngân	25/09/1998	3,33	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 22
11	Hồ Thị Ngược	11/11/1998	3,13	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 25
12	Arál Thị Oanh	26/08/1998	3,10	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 26
13	Hồ Thị Pha	16/10/1998	3,32	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 28
14	Phạm Tiến Phát	23/10/1994	3,24	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 29
15	Alăng Thị Phụng	05/10/1998	2,91	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 31
16	Nguyễn Tạ Mỹ Phượng	16/08/1998	3,23	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 33
17	Hồ Thị Hồng Thắm	30/04/1998	3,03	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 39
18	Phan Thị Bích Thuận	14/04/1998	3,36	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 43
19	Văn Thị Cẩm Tiên	01/01/1998	3,24	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 37
20	Nguyễn Thị Bảo Tiên	11/11/1998	3,51	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 36
21	Lương Vĩnh Toàn	09/08/1998	3,40	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 38
22	Huỳnh Thị Tuyết Trinh	06/04/1998	3,21	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 48
23	Alăng Trọng	16/02/1998	2,99	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 49

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
24	Nguyễn Phước Trung	15/01/1996	2,79	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 50
25	Trương Thị Hải Vi	17/06/1998	2,86	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 51
26	Briú Thị Vy	12/09/1998	3,18	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 53

Ấn định danh sách này có 26 (hai mươi sáu) sinh viên, trong đó: *f*

Xếp loại Xuất sắc 0 /26

Xếp loại Giỏi 11 /26

Xếp loại Khá 15 /26

Xếp loại Trung bình 0 /26

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐNĐN ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Ông Thị Minh Anh	24/10/1996	3,44	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 2
2	Ngô Đình Bin	07/07/1998	2,96	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 3
3	Trần Ngọc Diễm Châu	02/11/1998	3,40	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 5
4	Trương Mạnh Cường	20/09/1996	2,98	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 4
5	Ngô Thanh Đức	18/06/1997	3,01	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 7
6	Nguyễn Thị Liên	14/10/1998	3,17	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 13
7	Nguyễn Ánh Sao Mai	04/10/1998	3,11	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 16
8	Võ Thị Nghĩa	05/09/1997	3,19	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 18
9	Trần Thị Ánh Nhi	29/12/1998	3,33	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 20
10	Đoàn Ngọc Sơn	27/01/1998	3,50	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 24
11	Hoàng Thị Hoài Thắm	20/03/1998	3,44	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 28
12	Trần Thị Thảo	18/06/1998	3,20	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 27
13	Nguyễn Thị Anh Thư	21/02/1997	3,27	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 30

Ấn định danh sách này có 13 (mười ba) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /13

Xếp loại Giỏi 7 /13

Xếp loại Khá 6 /13

Xếp loại Trung bình 0 /13

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 257/QĐ-ĐHNĐN, ngày 20 tháng 02, năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Hà Kiều Anh	03/08/1998	3,17	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 1
2	Phan Ngọc Châu	02/01/1998	3,12	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 8
3	Phan Thị Thảo Duyên	27/05/1998	3,08	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 13
4	Đỗ Thị Hà	30/05/1998	3,04	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 15
5	Phan Thị Thanh Hà	25/05/1998	3,19	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 16
6	Phạm Thị Thanh Hải	14/08/1998	3,30	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 17
7	Phạm Thị Hạnh	10/10/1998	3,22	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 18
8	Nguyễn Thị Khánh Huyền	12/09/1998	3,34	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 25
9	Trịnh Thị Liên	09/02/1998	3,72	Xuất sắc	5465/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 9
10	Nguyễn Thị Mỹ Linh	21/03/1998	2,63	Khá	5809/QĐ-ĐHNĐN ngày 20/09/2016 8
11	Trần Thanh Nhân	13/03/1998	3,73	Xuất sắc	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 35
12	Lê Thị Thu Phượng	08/10/1997	3,14	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 39
13	Đinh Lê Minh Thông	09/11/1998	3,51	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 44
14	Ngô Trần Minh Thùy	20/02/1998	3,17	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 47
15	Nguyễn Thị Thùy	20/03/1998	3,15	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 48
16	Nguyễn Lê Hoàng Yến	02/01/1997	3,49	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 53

Ấn định danh sách này có 16 (mười sáu) sinh viên, trong đó: *ph*

Xếp loại Xuất sắc 2 /16
Xếp loại Giỏi 5 /16
Xếp loại Khá 9 /16
Xếp loại Trung bình 0 /16



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 2571/QĐ-ĐHN ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	28/07/1998	2,84	Khá	6257/QĐ-ĐNĐN ngày 25/10/2016 5
2	Phan Thảo Ly	25/12/1997	2,84	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 14
3	Ngô Thị Hồng Nhung	27/02/1997	2,73	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 18
4	Võ Nguyễn Tố Quyên	02/04/1997	2,92	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 23
5	Nguyễn Thị Thúy Quyên	26/04/1998	2,96	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 22
6	Nguyễn Thị Thương Tâm	12/07/1998	3,55	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 26
7	Lê Thanh Thanh	01/01/1998	3,40	Giỏi	6257/QĐ-ĐNĐN ngày 25/10/2016 9
8	Bùi Thị Thanh Thúy	01/01/1998	3,57	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 35
9	Trương Thị Thùy	10/08/1998	2,86	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 34
10	Đinh Thị Thanh Trang	30/07/1997	2,85	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 36
11	Nguyễn Thị Diệu Trinh	09/04/1998	3,17	Khá	6257/QĐ-ĐNĐN ngày 25/10/2016 10
12	Nguyễn Thị Hoàng Tú	10/10/1998	2,84	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 29

Ấn định danh sách này có 12 (mười hai) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /12

Xếp loại Giỏi 3 /12

Xếp loại Khá 9 /12

Xếp loại Trung bình 0 /12

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: ~~2571/QĐ-ĐHSP~~ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Huyền Dịu	20/11/1997	3,33	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 4
2	Hoàng Thị Việt Hà	05/11/1998	3,61	Xuất sắc	5989/QĐ-ĐHĐN ngày 04/10/2016 2
3	Nguyễn Thùy Liên	23/04/1998	3,22	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 17
4	Nguyễn Huỳnh Thu Sương	04/11/1998	3,41	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 41
5	Trần Thị Thanh Tâm	14/07/1998	3,33	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 42
6	Lê Thị Thảo	26/01/1997	3,31	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 45

Ấn định danh sách này có 6 (sáu) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 1 /6

Xếp loại Giỏi 5 /6

Xếp loại Khá 0 /6

Xếp loại Trung bình 0 /6

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 2571/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Kim Anh	02/01/1998	3,46	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 1
2	Nguyễn Thái Quỳnh Anh	09/01/1998	3,06	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 2
3	Phạm Thị Mỹ Châu	29/04/1998	3,69	Xuất sắc	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 6
4	Cao Thị Huỳnh Châu	09/08/1997	3,30	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 4
5	Dương Nguyễn Hoài Châu	29/10/1998	3,18	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 5
6	Cao Thị Dung	17/03/1998	3,54	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 9
7	Đỗ Thị Kỳ Duyên	19/05/1998	3,41	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 10
8	Mai Thị Sĩ Hà	07/02/1998	3,47	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 13
9	Trương Lê Thanh Hải	26/06/1998	3,43	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 15
10	Trần Thị Thu Hằng	28/11/1998	3,10	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 18
11	Lê Thị Hoài	03/02/1998	3,33	Giỏi	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 8
12	Vũ Thị Thu Huyền	12/06/1997	3,18	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 21
13	Trương Thị Liễu	02/06/1998	3,57	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 25
14	Hồ Thúy Linh	22/04/1998	3,28	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 26
15	Đinh Hồ Thảo Ly	08/02/1996	3,08	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 28
16	Trần Thị Lý	05/04/1998	3,16	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 29
17	Bạch Thị Mai	22/01/1998	3,04	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 30
18	Nguyễn Thị Bình Minh	13/10/1998	3,53	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 31
19	Đỗ Thị Thành Mỹ	02/03/1998	3,27	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 34
20	Chế Ngọc Mỹ	01/09/1998	3,42	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 33
21	Phan Thị Diệu My	06/12/1998	2,95	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 10
22	Hoàng Hà My	02/01/1998	3,19	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 32
23	Nguyễn Thị Nga	10/01/1998	3,57	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 35
24	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	09/12/1997	3,34	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 38
25	Trần Thị Minh Nguyệt	24/07/1998	3,22	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 39
26	Nguyễn Thị Yến Nhi	24/09/1997	3,49	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 40
27	Trương Thị Quỳnh Như	29/06/1998	3,09	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 13

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
28	Ngô Thị Huyền Nhung	12/01/1998	2,93	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 12
29	Nguyễn Thị Kim Phụng	08/05/1998	2,93	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 15
30	Nguyễn Như Quỳnh	22/03/1997	3,06	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 44
31	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	01/01/1998	3,09	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 45
32	Phan Thị Kim Sơn	02/09/1998	3,32	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 46
33	Hà Thị Hoài Tâm	08/09/1998	3,31	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 47
34	Nguyễn Thị Minh Tâm	24/07/1998	2,90	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 48
35	Nguyễn Thị Thanh Thu	21/07/1998	3,24	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 50
36	Phan Thị Bích Thủy	24/05/1997	3,67	Xuất sắc	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 53
37	Phan Thị Mỹ Thuyên	02/09/1998	3,34	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 54
38	Nguyễn Thị Tường Vi	08/02/1998	3,38	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 58
39	Nguyễn Thị Tường Vi	03/10/1997	3,36	Giỏi	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 20
40	Lê Thị Thảo Vy	10/12/1997	3,07	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 60
41	Nguyễn Văn Kiều Vy	09/02/1996	3,24	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 61
42	Phạm Thị Tường Vy	20/03/1998	3,14	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 21
43	Hồ Thị Xuyên	02/09/1998	3,01	Khá	5809/QĐ-ĐHĐN ngày 20/09/2016 23
44	Nguyễn Thị Hải Yến	17/01/1998	3,10	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 63

Ấn định danh sách này có 44 (bốn mươi bốn) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 2 /44

Xếp loại Giỏi 23 /44

Xếp loại Khá 19 /44

Xếp loại Trung bình 0 /44

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: ~~2571/QĐ-ĐHNĐN~~ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Thái Thị Vân Anh	16/08/1998	3,10	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 2
2	Hoàng Thị Hải Âu	10/12/1998	3,17	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 3
3	Nguyễn Thị Diễm	11/06/1998	3,23	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 6
4	Võ Thị Diễm	27/12/1997	3,23	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 7
5	Nguyễn Thị Thùy Dung	02/04/1998	3,00	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 9
6	Nguyễn Thị Hoàng Giang	11/01/1998	3,34	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 10
7	Lê Thị Mỹ Hằng	20/05/1998	3,15	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 12
8	Phạm Hà Ngọc Hạnh	03/05/1998	2,88	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 11
9	Nguyễn Út Hiền	20/03/1998	2,99	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 14
10	Phan Thị Thu Hiền	10/05/1997	3,22	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 15
11	Võ Thanh Hồng	10/11/1998	3,37	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 16
12	Trần Thị Minh Hương	06/07/1998	3,30	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 20
13	Nguyễn Thị Mĩ Huyền	12/09/1998	3,05	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 18
14	Đặng Thị Ngọc Lệ	04/11/1997	3,30	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 21
15	Lê Thị Liên	09/09/1997	2,96	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 22
16	Phan Thị Hoài Linh	24/10/1998	3,00	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 26
17	Đặng Thị Lụa	02/10/1997	2,95	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 27
18	Tăng Thị Ly	19/07/1997	3,26	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 28
19	Trương Thị Thảo Ly	09/12/1998	2,83	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 29
20	Nguyễn Thị Thúy Na	01/10/1998	3,12	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 33
21	Nguyễn Thị Phương Nga	12/01/1997	2,86	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 36
22	Hồ Thị Hàn Nguyệt	14/11/1997	3,45	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 38
23	Bùi Thị Thu Nguyệt	18/08/1998	3,39	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 37
24	Lê Thị Kiều Nhi	13/11/1998	3,35	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 40
25	Nguyễn Thị Tú Nhi	20/03/1996	3,15	Khá	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 41
26	Nguyễn Thị Ý Như	19/02/1997	3,26	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 44
27	Lữ Thị Quỳnh Như	15/11/1998	3,42	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 43
28	Phan Thị Tố Nữ	01/01/1998	3,35	Giỏi	5416/QĐ-ĐHNĐN ngày 06/09/2016 35

Stt	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
29	Bùi Thị Tuyết	Nuy	24/04/1998	3,26	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 34
30	Vương Mỹ	Quyên	01/05/1998	3,23	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 46
31	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/10/1997	2,93	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 49
32	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	28/05/1998	3,18	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 50
33	Lê Như	Quỳnh	22/08/1998	3,17	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 47
34	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	06/08/1997	3,15	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 48
35	Phan Thị Mai	Sương	26/08/1998	3,39	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 53
36	Huỳnh Thị	Sương	02/02/1998	3,38	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 51
37	Phan Thị Hoài	Thân	27/03/1998	3,50	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 60
38	Thái Thị	Thao	22/04/1998	3,07	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 54
39	Võ Thị Thạch	Thảo	31/01/1998	3,04	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 58
40	Trịnh Thị Thanh	Thảo	01/07/1997	3,11	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 57
41	Vũ Phương	Thảo	19/10/1997	3,09	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 59
42	Cù Thị	Thu	09/02/1998	2,84	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 61
43	Trương Thị	Thùy	02/06/1998	3,21	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 63
44	Cao Thị	Trâm	12/02/1997	3,16	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 69
45	Bùi Thị Bích	Trâm	01/01/1997	3,06	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 68
46	Thái Thị Kiều	Trang	11/08/1998	3,13	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 66
47	Đỗ Thị Kim	Trúc	11/09/1998	3,17	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 71
48	Nguyễn Thị Thu	Uyên	10/03/1997	2,96	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 72
49	Nguyễn Thị Hồng	Vân	25/11/1998	2,99	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 74
50	Nguyễn Thị Bích	Vân	19/07/1997	3,28	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 73
51	Nguyễn Thị Thúy	Vy	26/09/1998	3,15	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 76
52	Nguyễn Thị	Vy	08/04/1998	3,35	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 77

Ấn định danh sách này có 52 (năm mươi hai) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /52

Xếp loại Giỏi 22 /52

Xếp loại Khá 30 /52

Xếp loại Trung bình 0 /52



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 2571/QĐ-ĐHNĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành: Hóa dược (Chương trình tăng cường Tiếng Anh)					
1	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	19/03/1998	2,99	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 33
2	Lê Thị Kim Hoàng	18/06/1998	3,05	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 38
3	Nguyễn Thị Kim Ngọc Nữ	06/02/1998	3,22	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 76
4	Trương Thị Mỹ Quyên	20/02/1998	2,95	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 97
5	Nguyễn Thị Ngọc Tiết	13/09/1998	2,84	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 103
6	Võ Thị Ánh Tuyết	27/04/1998	2,95	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 105
7	Nguyễn Xuân Yên	02/02/1998	3,31	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 143

Ấn định danh sách này có 7 (bảy) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 0 /7

Xếp loại Giỏi 2 /7

Xếp loại Khá 5 /7

Xếp loại Trung bình 0 /7

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH TÂM LÝ HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: ~~257/69~~ - ĐHKP ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trương Thị Thu Hào	08/02/1998	3,47	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 18
2	Lê Văn Hiền	22/01/1998	3,19	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 20
3	Nguyễn Thị Cẩm Huyền	30/06/1998	3,13	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 27
4	Nguyễn Thị Kim	19/07/1998	2,96	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 31
5	Tu Thị Xuân Lam	12/06/1998	3,57	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 34
6	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	08/03/1998	3,44	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 49
7	Phạm Thị Hồng Oanh	26/06/1998	3,18	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 54
8	Lê Thị Linh Phương	12/04/1998	3,45	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 59
9	Đặng Nguyễn Thanh Tâm	04/06/1998	3,78	Xuất sắc	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 67
10	Lô Thị Minh Thiết	29/01/1998	3,24	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 76
11	Phạm Thị Thương	15/04/1998	3,39	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 82
12	Trần Lê Hội Uyên	19/04/1998	3,15	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 91
13	Nguyễn Văn Vũ	16/11/1998	2,99	Khá	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 97
14	Trần Hàn Phong Vũ	10/04/1997	3,27	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 98
15	Ngô Hàn Ngọc Như Ý	15/07/1997	3,34	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 103
16	Lê Thị Như Ý	09/04/1997	3,43	Giỏi	5416/QĐ-ĐNĐN ngày 06/09/2016 102

Ấn định danh sách này có 16 (mười sáu) sinh viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 1 /16

Xếp loại Giỏi 9 /16

Xếp loại Khá 6 /16

Xếp loại Trung bình 0 /16

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LƯU TRANG